

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên năm 2026

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 31/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Chương trình chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 01-NQ/TU); Kế hoạch hành động số 15-KH/TU ngày 12/9/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây viết tắt là Kế hoạch hành động số 15-KH/TU); Kế hoạch số 129/KH-UBND ngày 14/11/2025 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 15-KH/TU ngày 12/9/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Sau khi xem xét nội dung đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 151/TTr-SKH-CN ngày 19/12/2025, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên năm 2026, với nội dung như sau:

Phần I

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2025

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỤC TIÊU ĐẶT RA NĂM 2025

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 57-NQ/TW); Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 71/NQ-CP); Nghị quyết số 193/2025/QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 193/2025/QH15); Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 01-NQ/TU; Chương trình hành động số 62-CTr/TU ngày 23/01/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW (sau đây viết tắt là

Chương trình hành động số 62-CTr/TU); Kế hoạch hành động số 261-KH/TU ngày 22/5/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW (sau đây gọi là Kế hoạch số 261-KH/TU); Kế hoạch số 263-KH/TU ngày 03/6/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 57-NQ/TW và các Thông báo kết luận của Ban Chỉ đạo có thời hạn hoàn thành trong tháng 6/2025 và 6 tháng cuối năm 2025 (sau đây viết tắt là Kế hoạch số 263-KH/TU); Kế hoạch hành động số 15-KH/TU; các Kế hoạch của UBND tỉnh: Kế hoạch số 80/KH-UBND ngày 20/4/2021 về việc thực hiện Chương trình chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 24/01/2025 thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP của Chính phủ và Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; Kế hoạch số 155/KH-UBND ngày 23/6/2025 thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP của Chính phủ và Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; Kế hoạch số 129/KH-UBND ngày 14/11/2025 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 15-KH/TU ngày 12/9/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; UBND tỉnh đánh giá hiện trạng thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu đặt ra trong năm 2025 (chi tiết tại Phụ lục I kèm theo).

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ NĂM 2025

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

Các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể các cấp đẩy mạnh tuyên truyền, triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; Nghị quyết số 71/NQ-CP; Nghị quyết số 01-NQ/TU; Chương trình hành động số 62-CTr/TU; Kế hoạch hành động số 261-KH/TU; Kế hoạch hành động số 15-KH/TU trên địa bàn tỉnh; phổ biến, quán triệt nội dung, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện các Nghị quyết tới cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tích cực tham mưu chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí, truyền thông của tỉnh tiếp tục duy trì các chuyên mục, chuyên trang tuyên truyền về chuyển đổi số trên các ấn phẩm báo chí và phương tiện truyền thông. Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường thực hiện tốt việc xây dựng và duy trì đều đặn chuyên mục “Nghị quyết số 57-NQ/TW” trên Cổng, trang thông tin của đơn vị.

Tỉnh Thái Nguyên đã thường xuyên đôn đốc, chỉ đạo việc kiểm tra, nắm bắt tình hình, kết quả thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW; lãnh đạo tỉnh trực tiếp tổ chức các đoàn kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết, chương trình, kế hoạch tại các đơn vị, địa phương, đồng thời giao Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan thường trực, chịu trách nhiệm đôn đốc, tổ chức thực hiện, hướng dẫn,

kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch của UBND tỉnh¹; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội; tăng cường công tác tuyên truyền, vận động thành viên, đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia xây dựng pháp luật, cơ chế, chính sách về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

2. Công tác hoàn thiện thể chế số (cơ chế, chính sách)

Nhằm tiếp tục thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số, cấp ủy đảng, chính quyền các cấp đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành các văn bản triển khai thực hiện; UBND tỉnh đã ban hành: Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên năm 2025; Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 14/7/2025 về triển khai các nhiệm vụ Đề án 06 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2025 khi triển khai mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 17/7/2025 thực hiện đợt cao điểm tích triển khai tích hợp Sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VneID và chữ ký số công cộng phục vụ chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (mới); Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 22/01/2025 về thúc đẩy phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 13/3/2025 về việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo tỉnh Thái Nguyên; Chỉ thị số 14/CT-UBND ngày 16/4/2025 về việc phát triển đột phá nguồn nhân lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo của tỉnh Thái Nguyên; Chỉ thị số 15/CT-UBND ngày ngày 16/4/2025 về thúc đẩy, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp, hộ kinh doanh hiện diện trực tuyến tin cậy, an toàn với các dịch vụ số sử dụng tên miền quốc gia ".vn" trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Chỉ thị số 19/CT-UBND ngày 30/4/2025 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong lĩnh vực dệt may tỉnh Thái Nguyên;...

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; Nghị quyết số 71/NQ-CP; Nghị quyết số 193/2025/QH15; Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Chương trình hành động số 62-CTr/TU, Kế hoạch hành động số 261-KH/TU, Kế hoạch số 263-KH/TU, Kế hoạch hành động số 15-KH/TU; Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 25/KH-UBND; Kế hoạch số 155/KH-UBND; Kế hoạch số 129/KH-UBND để tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW.

Căn cứ Kế hoạch của UBND tỉnh, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã xây dựng, ban hành kế hoạch, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số phù hợp với điều kiện thực tế.

¹ Từ ngày 22/12/2024 đến 30/4/2025, Đồng chí Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Trưởng ban thường trực Ban chỉ đạo đã trực tiếp tổ chức 5 cuộc kiểm tra, làm việc trực tiếp với UBND các huyện Phú Bình; Định Hoá, Đại Từ, Đồng Hỷ; tháng 7/2025, Sở KH&CN đã hoàn thành rà soát đợt 1 tại 15 xã, phường kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn, hỗ trợ việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW; tổ chức hướng dẫn, hỗ trợ trực tiếp tại 12 xã phường (đợt 2) để rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về quy trình xử lý hồ sơ, khắc phục lỗi kết nối liên thông, đồng bộ dữ liệu, hướng dẫn sử dụng tài khoản quản trị và công tác tiếp nhận, giải quyết TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC; Sở Nội vụ thực hiện kiểm tra, nắm tình hình hình hoạt động của các đơn vị hành chính cấp xã (mới) sau sắp xếp năm 2025 tại 31 xã, phường và 01 đợt kiểm tra cải cách hành chính, kiểm tra công vụ tại 12 đơn vị (trong đó kiểm tra đợt xuất 08 đơn vị).

3. Hạ tầng số

Các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục triển khai Kế hoạch số 225/KH-UBND ngày 29/11/2024 của UBND tỉnh phát triển hạ tầng số tỉnh Thái Nguyên đến hết năm 2025. Trong đó tập trung hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp viễn thông xây dựng các trạm BTS phù hợp theo quy hoạch tỉnh, kết quả một số chỉ tiêu:

- Tốc độ truy cập mạng băng rộng trên địa bàn tỉnh: chỉ số tải xuống (download) ở mạng di động băng rộng: 70 Mbps; chỉ số download đối với mạng cố định băng rộng: 211 Mbps.

- Tỷ lệ thôn bản được phủ sóng di động đạt 99,5%; tỷ lệ dân số được phủ sóng di động đạt 99,7% trong đó phủ sóng 5G đạt 45%; tỷ lệ hộ gia đình sử dụng Internet băng rộng cáp quang đạt 80%.

- Hạ tầng thông tin di động được đầu tư đồng bộ với 3.357 vị trí phát sóng (nhà trạm và cột ăng ten) với tổng số trạm BTS (2G, 3G, 4G, 5G) là 6.062 trạm, phủ sóng 99,7% dân số. Trong số đó, đã có 325 trạm phát sóng 5G được đưa vào khai thác. Số thuê bao điện thoại di động 1.780.000 thuê bao (đạt 105 thuê bao/100 dân số), trong đó có 1.600.000 thuê bao truy cập internet băng rộng (số thuê bao truy cập internet băng rộng chiếm 90%). Về hạ tầng Internet băng rộng cố định, tổng số thuê bao đạt 357.000 thuê bao, trong đó có tới 339.000 thuê bao cáp quang hộ gia đình, tương ứng khoảng 80 thuê bao/100 hộ gia đình. Mạng cáp quang đã được triển khai đến 99% thôn bản bảo đảm 95% dân số có khả năng truy nhập Internet băng rộng cố định cáp quang với tốc độ lên đến Gbps

Mạng truyền số liệu chuyên dùng đã hoàn thành việc mở rộng, điều chỉnh mô hình kết nối thông suốt đến 100% các Sở, ban, ngành và 92/92 xã, phường trên địa bàn tỉnh; phục vụ an toàn, kịp thời các phiên họp trực tuyến, kết nối, chia sẻ dữ liệu, thông tin và triển khai các ứng dụng dùng chung giữa các cơ quan Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị tại địa phương, góp phần nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, là nền tảng quan trọng để xây dựng hạ tầng Chính phủ số, tạo sự kết nối và đồng bộ dữ liệu giữa các cấp, các ngành (Kênh truyền số liệu chuyên dùng cho Trung tâm dữ liệu tỉnh có tốc độ 500 Mbps cấp; các Sở, ban, ngành có tốc độ từ 06-10 Mbps; các xã, phường có tốc độ 04 Mbps).

Hạ tầng Trung tâm dữ liệu: Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Thái Nguyên hiện do Sở Khoa học và Công nghệ quản lý, vận hành, đã được hợp nhất trang thiết bị, hệ thống của Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh Bắc Kạn (cũ) và tỉnh Thái Nguyên (cũ). Trung tâm được thiết kế, trang bị theo tiêu chuẩn TCVN 9250:2012.

Về thu hút xây dựng Trung tâm dữ liệu tại tỉnh: Cuối tháng 6/2025, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Khoa học và Công nghệ ký biên bản ghi nhớ với Công ty TNHH KCTC Việt Nam và Công ty TNHH ThePRECON (Hàn Quốc) về việc

đầu tư Trung tâm Dữ liệu tỉnh Thái Nguyên với dự kiến có công suất tối thiểu bằng 20MW. Đến nay, các đơn vị đang phối hợp với doanh nghiệp đã ký kết triển khai thực hiện. Đây là nội dung quan trọng nhằm tạo nền tảng phục vụ chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, thu hút FDI công nghệ cao và nâng cao vị thế của tỉnh trong mạng lưới hạ tầng số quốc gia.

UBND tỉnh đã chỉ đạo triển khai rà soát, ưu tiên bố trí kinh phí trang bị hạ tầng kỹ thuật, các thiết bị tối thiểu cho các xã còn thiếu (camera, máy tính,...) trên địa bàn, bảo đảm hoạt động phục vụ chính quyền địa phương 2 cấp². Đảm bảo hệ thống mạng truyền số liệu chuyên dùng thông suốt từ tỉnh đến xã.

Đối với Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, đã bố trí đầy đủ các khu vực và trang thiết bị đảm bảo theo yêu cầu tại điểm b, khoản 2, Điều 13 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ; Cơ sở vật chất, trang thiết bị tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp đã đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, đảm bảo theo đúng hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ tại Công văn số 5621/VPCP-KSTT ngày 20/6/2025 về việc tổ chức Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã.

4. Về công tác bồi dưỡng, phát triển nhân lực

a) Đào tạo kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức

Tiếp tục triển khai Kế hoạch 238/KH-UBND ngày 28/12/2021 của UBND tỉnh về đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ và kỹ năng chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Thái Nguyên đến năm 2025. Chú trọng tới bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu để ra quyết định và hoạch định chính sách; kiến thức cơ bản về chuyển đổi số, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin và an toàn thông tin.

Từ ngày 01/7/2025, tỉnh Thái Nguyên đã tổ chức triển khai 07 đợt tập huấn chuyển đổi số, ứng dụng các hệ thống thông tin dùng chung, hướng dẫn sử dụng, tháo gỡ vướng mắc trong sử dụng hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cho cán bộ, công chức các đơn vị, địa phương; tập huấn, hướng dẫn quản trị hệ thống thông tin giải quyết TTHC cho 160 cán bộ quản trị các đơn vị; tổ chức 02 đợt tập huấn trực tiếp nghiệp vụ cho cán bộ, công chức tại các Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã; 02 lớp tập huấn về kiểm soát thủ tục hành chính cho tổng số 300 cán bộ, công chức; đề nghị Tổng Công ty Viễn thông Mobifone (đơn vị cung cấp giải pháp triển khai Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh) cử cán bộ trực tiếp đến 92 xã, phường để hỗ trợ đào tạo, tập huấn theo hình thức “cầm tay chỉ việc” trong giai đoạn đầu mới sử dụng; thường xuyên mở các lớp tập huấn trực tuyến để hướng dẫn CBCCC sử dụng hệ thống; thành lập các nhóm Zalo để hỗ trợ giải quyết các sự cố phát sinh. Đồng thời, tỉnh đã thúc đẩy

² Cấp tổng số tiền 115.500 triệu đồng, mỗi xã, phường được cấp 1,5 tỷ đồng để thực hiện đảm bảo cơ sở, vật chất từ nguồn ngân sách trung ương khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp (Quyết định 1562/QĐ-UBND ngày 17/10/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

phong trào học tập số trong cán bộ, công chức và người dân trên địa bàn³; tổ chức tập huấn cho thành viên tổ công nghệ số cộng đồng nhằm nâng cao kỹ năng số nói chung, sử dụng dịch vụ công trực tuyến nói riêng⁴. Trong tháng 11/2025, tỉnh tiếp tục triển khai khóa tập huấn chuyên sâu cho cán bộ chuyên trách CNTT, chuyển đổi số tại các đơn vị, địa phương và tổ chức lớp bồi dưỡng vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ đối với công chức lĩnh vực khoa học, công nghệ trên địa bàn để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ hiện nay.

Tỉnh đã thực hiện đồng bộ các giải pháp tăng cường chuyển đổi số trong công tác giáo dục và hướng nghiệp: Thúc đẩy triển khai học bạ số⁵, triển khai nền tảng dạy học trực tuyến⁶, triển khai Mô hình Trường học số⁷; Thúc đẩy giáo dục STEM⁸.

b) Về đào tạo nhân lực chuyên ngành vi mạch, bán dẫn, AI: Đại học Thái Nguyên đã xây dựng, cập nhật và phát triển chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ đại học các ngành thuộc lĩnh vực vi mạch, bán dẫn thuộc ngành Công nghệ kỹ thuật Điện tử - Viễn thông; Công nghệ bán dẫn thuộc ngành Vật lý; chuyên ngành Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch. Chương trình giảng dạy được thiết kế theo hướng tiếp cận quốc tế, tham khảo các mô hình đào tạo từ các trường đại học hàng đầu như Đại học Buffalo, Stanford, Rochester (Mỹ) và các doanh nghiệp công nghệ lớn. Các học phần mới được bổ sung, bao gồm Thiết kế và sản xuất IC và MEMS; Cơ sở đóng gói linh kiện vi điện tử; Công nghệ phòng sạch, Sản xuất linh kiện bán dẫn và kiểm soát quy trình, Thiết kế mạch tích hợp số; Quang điện tử bán dẫn; Mạch vi điện tử; Vật lý Plasma và ứng dụng, Học sâu (Deep Learning). Triển khai viết đề án mở các course đào tạo ngắn hạn nhằm giúp sinh viên các ngành phù hợp chuyển sang làm việc trong lĩnh vực điện tử, bán dẫn và vi mạch. Năm học 2024 - 2025, Đại học Thái Nguyên đã tuyển sinh được 129 sinh viên các ngành thuộc lĩnh vực vi mạch, bán dẫn (46 sinh viên học CTĐT Vi mạch bán dẫn thuộc ngành Công nghệ kỹ thuật Điện tử - Viễn thông; 33 sinh viên học CTĐT Công nghệ bán dẫn thuộc ngành Vật lý; 50 sinh viên học chuyên ngành Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch).

³ Hưởng ứng ngày chuyển đổi số quốc gia năm 2025, tỉnh đã triển khai "tuần lễ học tập số" trên nền tảng "Bình dân học vụ số", "Nền tảng AI cho cộng đồng" cho cán bộ công chức, viên chức và người dân. Kết quả, hầu hết cán bộ công chức đã tham gia ít nhất 01 khóa học trên hệ thống.

⁴ Trong năm 2025, phần đầu tổ chức tập huấn phổ cập kỹ năng số cho 2.250 thành viên Tổ Công nghệ số cộng đồng.

⁵ Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh đã chỉ đạo 100% các trường tiểu học triển khai thực hiện Học bạ số; lựa chọn 49 trường cấp trung học cơ sở, 26 trường cấp trung học phổ thông và 12 trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tham gia triển khai thí điểm Học bạ số.

⁶ Đến đầu năm học 2025-2026 có 417/601 nhà trường phổ thông và các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên đã triển khai nền tảng dạy học trực tuyến: <https://olm.vn/>.

⁷ Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh đã lựa chọn, giao nhiệm vụ cho 04 nhà trường thực hiện thí điểm mô hình “Trường học số”: Mầm non Đồng Quang, Tiểu học Nguyễn Viết Xuân, Tiểu học và THCS 915 Gia Sàng, THPT Tứ Tranh; đã ban hành bộ chỉ số đánh giá trường học số và triển khai đến các cơ sở giáo dục thực hiện mô hình.

⁸ Tỉnh đã chỉ đạo triển khai giáo dục STEM theo Chương trình GDPT 2018, Kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025. Ngoài các hoạt động tập huấn, nâng cao nhận thức về STEM, tỉnh đã triển khai bài dạy STEM tại các trường phổ thông, tổ chức trải nghiệm STEM cho học sinh với nhiều hình thức (*tổ chức cho học sinh tham các trường đại học, thăm cơ sở thực hành, viện nghiên cứu, thăm quan cơ sở sản xuất ở địa phương; thành lập các câu lạc bộ STEM ở các trường; tổ chức, tham gia các cuộc thi, ...*); tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học, kỹ thuật; tăng cường trang bị cơ sở hạ tầng và thiết bị, phòng thực hành giáo dục STEM.

5. Phát triển dữ liệu số

Thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐ này 19/6/2025, các cơ quan chuyên môn đã thực hiện rà soát, đánh giá các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu được triển khai tại tỉnh Bắc Kạn (cũ) và Thái Nguyên (cũ); tiếp tục vận hành các hệ thống theo nhu cầu sử dụng; đề xuất nâng cấp/điều chỉnh các hệ thống cho phù hợp yêu cầu sử dụng mới⁹; thực hiện việc kết nối, khai thác các CSDL quốc gia, CSDL của các bộ, ngành, đặc biệt phục vụ liên thông giải quyết TTHC. Hiện có 7 CSDL quốc gia đã đưa vào vận hành chính thức và cho phép truy xuất thông tin dưới dạng dữ liệu có cấu trúc phục vụ tra cứu, giải quyết TTHC¹⁰. Dữ liệu từ các CSDL quốc gia hiện được khai thác thông qua kết nối, chia sẻ trực tiếp, thông qua Cổng DVCQG, thông qua LGSP, nền tảng định danh và xác thực điện tử.

UBND tỉnh đã ban hành Chiến lược dữ liệu tỉnh Thái Nguyên, Chiến lược chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên¹¹. Các chiến lược là cơ sở để tỉnh triển khai xây dựng, tạo lập, kết nối, chia sẻ dữ liệu, khai thác dữ liệu số phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành, ra quyết định cũng như kiểm tra, giám sát dựa trên dữ liệu.

Từ tháng 7 đến nay, tỉnh đã đang triển khai 2 chiến dịch làm giàu, làm sạch cơ sở dữ liệu của tỉnh, gồm: đợt cao điểm "90 ngày đêm" làm sạch dữ liệu hôn nhân (từ 06/6/2025-31/8/2025)¹²; chiến dịch làm giàu, làm sạch cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Thái Nguyên (từ 10/9/2025 – 30/11/2025)¹³.

Duy trì, cập nhật và kết nối các cơ sở dữ liệu: CSDL cấp chứng chỉ hành nghề; nhà ở, thị trường bất động sản; CSDL cấp phép xây dựng (mở rộng từ 11 lên 94 đơn vị 2 cấp); Dữ liệu chuyên ngành giao thông (GPLX, đăng kiểm, bến

⁹ Sở Dân tộc và Tôn giáo đề xuất nâng cấp phân hệ quản lý, thu thập, khai thác thông tin thống kê thuộc hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc tỉnh; Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch đề xuất nâng cấp Hệ thống thông tin nguồn của tỉnh; Sở Công Thương đề xuất Nâng cấp hệ thống cơ sở dữ liệu ngành Công Thương tỉnh Thái Nguyên.

¹⁰ bao gồm: CSDL quốc gia về dân cư, CSDL quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, CSDL quốc gia về bảo hiểm, CSDL quốc gia về hộ tịch, CSDL quốc gia về đất đai, CSDL quốc gia về tài chính, CSDL quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức.

¹¹ Quyết định số 1891/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt Chiến lược dữ liệu tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030; Quyết định số 1893/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt Chiến lược chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030

¹² Kế hoạch số 136/KH-UBND ngày 06/6/2025 của UBND tỉnh. Kết quả: Đến thời điểm 31/8/2025, các đơn vị đã hoàn thành việc rà soát, xử lý đối với **3.793** dữ liệu. Hiện nay các dữ liệu rà soát vẫn được Bộ Tư pháp và Bộ Công an tiếp tục đẩy về trên Hệ thống Đăng ký và quản lý hộ tịch điện tử để thực hiện rà soát, làm sạch dữ liệu; các địa phương vẫn đang tiếp tục thực hiện rà soát, xử lý dữ liệu tình trạng hôn nhân có sai lệch giữa Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

¹³ Tại Kế hoạch số 64/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh. Kết quả đến nay: Sở Nông nghiệp và Môi trường đã gửi 431.197 thửa đất đến C06 Bộ Công an để đối khớp, kết quả có 326.256/431.197 thửa đất có dữ liệu về chủ sử dụng đất tìm thấy trong dữ liệu dân cư. Hiện tại còn 104.941 thửa đất cần rà soát, đối khớp dữ liệu về dân cư, Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp tục đề nghị Công an tỉnh phối hợp chỉ đạo rà soát. UBND các xã, phường đã thực hiện được **36.502/46.008 (bằng 79,34%)** thửa đất thuộc nhóm các thửa đất UBND cấp xã cần thu thập các loại Giấy chứng nhận, thẻ căn cước/CCCD của chủ sử dụng đất ở, nhà ở; Đến nay, 92/92 xã, phường đã được Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai ghi nhận với 3.149.283 dữ liệu XML (dữ liệu thuộc tính), 1333 dữ liệu GML (dữ liệu không gian) và 971.920 dữ liệu hồ sơ quét. Trong đó dữ liệu 91/92 xã, phường được ghi nhận thống kê thành công với 3.149.283 dữ liệu XML (dữ liệu thuộc tính), 1333 dữ liệu GML (dữ liệu không gian), **912.487** dữ liệu hồ sơ quét. Số lượng thửa đất đảm bảo “đúng - đủ - sạch - sống” là **1.366.039** thửa đã được đồng bộ, **1.465.171** thửa đã được xác thực chủ (theo hướng dẫn mới nhất của Cục Chuyển đổi số, Cục Quản lý đất đai thống nhất với Công ty VietBando về cách phân loại dữ liệu sau Hội nghị tập huấn ngày 28/10/2025).

xe, vận tải) Triển khai chia sẻ, tích hợp dữ liệu dùng chung với các hệ thống của Bộ Xây dựng và hệ thống dịch vụ công của tỉnh.

6. An toàn, an ninh mạng

Tỉnh đã ban hành các văn bản chỉ đạo, kế hoạch, phương án về bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin; thường xuyên chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chính quyền, địa phương nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong công tác đảm bảo an toàn thông tin mạng. Các đơn vị, địa phương tiếp tục triển khai việc lập hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn thông tin và gửi Công an tỉnh thẩm định theo quy định.

Công tác tổ chức kiểm tra, đánh giá, giám sát, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng cho các hệ thống phục vụ chính quyền điện tử, chính quyền số tiếp tục được tăng cường. Tổ chức giám sát an toàn thông tin 24/7 cho các Hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh.

Công tác đảm bảo an toàn thông tin trên địa bàn tỉnh được triển khai theo mô hình 4 lớp (*lực lượng tại chỗ, giám sát chuyên nghiệp, độc lập kiểm tra, kết nối với hệ thống giám sát quốc gia*), các máy chủ và máy trạm của cơ quan nhà nước của tỉnh được triển khai các giải pháp, phần mềm phòng chống mã độc tập trung và giải pháp phát hiện, phản ứng lại sự cố, đồng thời được kết nối, chia sẻ thông tin về Trung tâm Ứng cứu khẩn cấp không gian mạng Việt Nam.

7. Chính quyền số

a) Các ứng dụng trong nội bộ cơ quan nhà nước, góp phần tiết kiệm thời gian, chi phí hoạt động, đổi mới phương thức làm việc:

Tỉnh đã kịp thời hoàn thiện các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu nhằm đẩy mạnh chuyển đổi số, khoa học công nghệ, nâng cao hiệu quả quản trị nền hành chính, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh.

- *Nền tảng, ứng dụng số; thủ tục hành chính và dịch vụ công trực tuyến*

+ Hệ thống quản lý văn bản và điều hành: Ngay khi chính quyền địa phương 2 cấp đi vào hoạt động, hệ thống đã được tổ chức lại, hoạt động ổn định và đáp ứng yêu cầu xử lý công việc, xử lý văn bản điện tử phục vụ công tác lãnh đạo, điều hành của tỉnh (*hiện tại đã cấp trên 18 nghìn tài khoản cho cán bộ, công chức, viên chức tại 148 cơ quan nhà nước ở cả 2 cấp tỉnh, xã*). Từ 01/7 đến nay, hệ thống đã có khoảng gần 1 triệu lượt gửi, nhận văn bản, trong đó 100% văn bản đều có bản điện tử, được ký số đúng quy định.

+ Hệ thống thông tin giải quyết TTHC: Tiếp tục duy trì Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Thái Nguyên do Tổng công ty Viễn thông Mobifone phát triển. Trong kỳ báo cáo, hệ thống hoạt động cơ bản ổn định, thông suốt, các lỗi kỹ thuật được các đơn vị, địa phương phản ánh đã được tiếp tục phối hợp xử lý; 100% TTHC được cập nhật, điện tử hoá quy trình nội bộ trên hệ thống ngay sau khi có quyết định phê duyệt của UBND tỉnh. Đến ngày 18/11/2025, hệ thống

hiện cung cấp **2.132** TTHC¹⁴. Theo Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử được đánh giá trên Cổng dịch vụ công quốc gia, hiện tỉnh Thái Nguyên đang xếp số **6/34** tỉnh, thành phố về Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công, đạt **90,45/100** điểm¹⁵.

+ Về cấp chứng thư số chuyên dùng công vụ: Để đảm bảo yêu cầu giao dịch điện tử của các cơ quan nhà nước, UBND tỉnh đã chỉ đạo sát sao việc cấp mới, thay đổi thông tin chứng thư số ngay khi mô hình chính quyền mới đi vào hoạt động. Đến nay, khối chính quyền có **34.601** chứng thư số hoạt động, trong đó chứng thư số tổ chức: **3.732**, chứng thư số cá nhân: **30.869** (trong kỳ báo cáo, phát sinh thêm 237 chứng thư số)¹⁶.

+ Các hệ thống thông tin cùng chung khác (Hệ thống hội nghị truyền hình của tỉnh, nền tảng C-ThaiNguyen, Hệ thống thư điện tử tỉnh, Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP), Hệ thống Trang/cổng Thông tin điện tử) tiếp tục được duy trì hoạt động ổn định, đáp ứng yêu cầu.

+ Hệ thống thực hiện báo cáo ngày (*baocao.thainguyen.gov.vn*): Thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy, hiện UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở KH&CN phối hợp với đơn vị triển khai xây dựng hệ thống báo cáo ngày (đã xây dựng các biểu mẫu điện tử e-form, cài đặt hệ thống chạy thử nghiệm...) phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị, địa phương và kết nối với hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ.

b) Kết quả triển khai Đề án 06: Đã thực hiện được 25/25 dịch vụ công thiết yếu. Đến ngày 25/11/2025 đã thu nhận 1.170.059 tài khoản định danh điện tử mức 2, đã kích hoạt 1.126.242 tài khoản, đạt tỷ lệ kích hoạt 96,3%. Kết quả cấp Căn cước trên 14 tuổi: 1.363.178/1.371.830, đạt tỉ lệ 99,4%.

8. Kinh tế số và Xã hội số

8.1. Kinh tế số

a) Doanh nghiệp, hộ kinh doanh triển khai áp dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế khởi tạo từ máy tính tiền đạt tỷ lệ 100%.

b) Thương mại điện tử: Sở Công Thương tích cực triển khai với việc triển khai Mô hình tuyến phố thương mại điện tử, Gian hàng sản phẩm Thái Nguyên trên Sàn thương mại điện tử, Chương trình Livestream “Chợ phiên OCOP Thái Nguyên

¹⁴ trong đó: số TTHC đã cung cấp DVC trực tuyến một phần là 1.030; số TTHC đã cung cấp DVC trực tuyến toàn trình: 1.021; số TTHC đủ điều kiện cung cấp DVC toàn trình: 1.088. Tỷ lệ thực hiện từng loại TTHC theo hình thức: Cung cấp một phần là 48,3%; toàn trình là 47,9%, hình thức khác 3,7%; hồ sơ tiếp nhận trực tuyến 90,9%, tiếp nhận trực tiếp 9,1%.

¹⁵ Giảm 0,3 điểm, giảm 01 bậc so với kỳ báo cáo trước.

¹⁶ Số liệu trên hệ thống cổng dịch vụ công của Ban Cơ yếu Chính phủ ngày 16/11/2025.

2025 trên nền tảng Thương mại điện tử TikTok. Trong 10 tháng đầu năm, tổng doanh số trên sàn TMĐT ước đạt 1.060.380 tỷ đồng¹⁷.

c) Triển khai thanh toán không dùng tiền mặt: 100% cơ sở y tế, cơ sở giáo dục và đào tạo công lập thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt; Tại kỳ chi trả tháng 10/2025, BHXH tỉnh Thái Nguyên đã thực hiện chi trả qua tài khoản cá nhân, cụ thể: (1) Chi lương hưu và trợ cấp BHXH hàng tháng: 89.503 người, trong đó chi qua ATM: 69.338 người, đạt 77,47 %, tăng 931 người (0,9%) so với kỳ chi lương tháng 10/2025, số người hưởng lương hưu và trợ cấp BHXH qua tài khoản cá nhân tăng theo các tháng. (2) Chi bảo hiểm xã hội một lần: đạt 98,04%. (3) Chi bảo hiểm thất nghiệp: đạt 100%. (4) Chi các chế độ ngắn hạn: đạt 100%.

d) Khu Công nghệ thông tin tập trung Yên Bình, tỉnh Thái Nguyên: UBND tỉnh đã ban hành Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án; Nhà đầu tư đang thực hiện các thủ tục các bước tiếp theo như lập hồ sơ Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án; Đang triển khai cùng đơn vị tư vấn lập đề án Quy hoạch chi tiết 1/500.

8.2. Xã hội số

a) Chuyển đổi số trong ngành Y tế: 100% các cơ sở khám, chữa bệnh đảm bảo thiết bị và phần mềm thực hiện tiếp nhận thông tin khám, chữa bệnh qua Căn cước, Căn cước công dân, ứng dụng VNeID; Các đơn vị đã thực hiện tra cứu thông tin bảo hiểm y tế bằng căn cước, căn cước công dân gắn chip điện tử, ứng dụng VNeID, đã có 5.745.822 lượt tra cứu và 5.224.346 lượt tra cứu thành công (*số lượt không thành công là do dữ liệu BHYT chưa tích hợp trên thẻ căn cước, quá trình xác thực thẻ căn cước thay thẻ BHYT còn bị lỗi*); 100% cơ sở khám chữa bệnh BHYT đã liên thông dữ liệu lên Cổng giám định bảo hiểm y tế. Số hồ sơ khám chữa bệnh thanh toán BHYT liên thông lên cổng Giám định BHXH từ 01/01/2025 đến nay là 2.212.164 hồ sơ, trong đó có 1.863.595 hồ sơ đúng, 1.727.527 hồ sơ chuyển đúng ngày (đạt tỷ lệ hồ sơ chuyển đúng ngày là 92,7%). Sở Y tế đã triển khai thực hiện việc tích hợp Sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID và đăng ký sử dụng chữ ký số công cộng đối với 100% cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong toàn ngành Y tế.

b) Chuyển đổi số trong giáo dục: Thái Nguyên đã ban hành Kế hoạch triển khai đẩy mạnh giáo dục STEM trong trường học theo định hướng phát triển giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hiện tại, 100% cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh đã thực hiện dạy học STEM, STEAM và kết quả mang lại nhiều hiệu quả tích cực.

c) Ứng dụng du lịch thông minh: Tiếp tục duy trì Cổng thông tin du lịch thông minh tỉnh Thái Nguyên, bao gồm: Website (mythainguyen.vn), ứng dụng

¹⁷ Theo nguồn số liệu tổng hợp, phân tích của Công ty Cổ phần Khoa học Dữ liệu

(Thai Nguyen Tourism)¹⁸ hoạt động trên các thiết bị di động, đã được tích hợp trên C-ThaiNguyen và kết nối với gần 40 Cổng thông tin du lịch các tỉnh, thành phố.

d) Ứng dụng công nghệ số trong lĩnh vực Giao thông, vận tải: Sở Xây dựng đang vận hành và triển khai các phần mềm được Bộ Xây dựng, Cục Đường bộ Việt Nam chuyển giao và các phần mềm do Sở Xây dựng và các đơn vị triển khai như: phần mềm Quản lý bến xe - Bến xe thông minh; mô hình Doanh nghiệp vận tải; Chuyển đổi xanh: Phối hợp đơn vị V-Green khảo sát, phát triển hạ tầng trạm sạc xe điện; hiện toàn tỉnh có 410 đầu sạc; Ứng dụng Hệ thống thông tin địa lý (GIS) trong công tác thẩm định quy hoạch; Triển khai áp dụng Mô hình thông tin công trình (BIM) trong hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

9. Công tác tuyên truyền, truyền thông về chuyển đổi số

9.1. Ngày Chuyển đổi số

UBND tỉnh đã ban hành văn bản chỉ đạo các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh triển khai đồng bộ các hoạt động hưởng ứng ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2025; phát động triển khai “Tuần lễ học tập số của công chức tỉnh Thái Nguyên” trên nền tảng “Bình dân học vụ số” (<https://binhdanhocvuso.gov.vn/>); triển khai phổ cập, khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức, người dân tham gia các khóa học miễn phí trên Cổng đào tạo AI cho cộng đồng (<https://aicongdong.ptit.edu.vn>), các xã/phường đã chỉ đạo Tổ công nghệ số cộng đồng tại các xóm/thôn/tổ dân phố triển khai Chiến dịch “Đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người dân kỹ năng số, sử dụng các dịch vụ số”. Kết quả: Xã Bằng Thành có trên 300 lượt tải thành công ứng dụng C-Thainguyen; Phường Quyết Thắng tổ chức 02 hội nghị tập huấn với sự tham gia của 40 người; Xã Thượng Quan đã cấp 2.082 tài khoản định danh điện tử, kích hoạt 1.892 tài khoản, Cài đặt 1.188 chữ ký số công cộng ... Một số địa phương đã các hoạt động hưởng ứng ngày chuyển đổi số quốc gia năm 2025, thu hút và tạo được sự lan tỏa lớn trong cộng đồng như: Hoạt động “Ngày hội Chuyển đổi số phường Bắc Kạn năm 2025” với nhiều hoạt động như bán hàng trực tuyến (livestream) sản phẩm OCOP, ra mắt mô hình “Thanh toán số - Ưu đãi 2%”, chứng thực bản sao điện tử miễn phí, kích hoạt định danh điện tử mức 2...

9.2. Công tác truyền thông về chuyển đổi số

a) Các cơ quan báo chí của tỉnh, Trung tâm Thông tin tỉnh, Trung tâm Dịch vụ tổng hợp cấp xã đã tuyên truyền về công tác chuyển đổi số đến các cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, cộng đồng doanh nghiệp thường xuyên, liên tục, có trọng tâm, trọng điểm, góp phần nâng cao nhận thức về chuyển đổi số; kịp thời đưa tin, bài, phóng sự phản ánh đậm nét về Thái Nguyên trong việc triển khai Chương trình chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh. Báo và Phát

¹⁸ Cập nhật: 121 khách sạn, 66 điểm đến, 49 điểm giải trí, 122 nhà hàng, 24 điểm mua sắm trên toàn tỉnh Thái Nguyên. Thu hút trên 3,6 triệu lượt truy cập, trên 21 nghìn lượt người tải App.

thanh, truyền hình Thái Nguyên thực hiện tuyên truyền trên các nền tảng: Trang Thông tin điện tử www.thainguyentv.vn; ứng dụng trên thiết bị điện thoại thông minh App TNTV; Kênh YouTube; Facebook; Tiktok ZaloOA; Trung tâm Thông tin tỉnh đã đăng tải 374 tin, bài, video, phóng sự, văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh. Chuyên trang chuyên đổi số Thái Nguyên tại địa chỉ chuyendoiso.thainguyen.gov.vn.

b) Kênh truyền thông “Chuyển đổi số quốc gia” trên ứng dụng Zalo tiếp tục được phổ biến, sử dụng để cập nhật các thông tin mới nhất về chuyển đổi số tới đông đảo mọi tầng lớp Nhân dân trong tỉnh.

Phần II

NỘI DUNG KẾ HOẠCH

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW;

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW;

- Các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; số 505/QĐ-TTg ngày 22/4/2022 về Ngày Chuyển đổi số quốc gia; số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030;

- Kế hoạch hành động số 15-KH/TU ngày 12/9/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW;

- Kế hoạch số 129/KH-UBND ngày 14/11/2025 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CQ và Kế hoạch hành động số 15-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên;

- Công văn số 5511/BKHCN-CĐSQG ngày 10/10/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2026.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Thúc đẩy chuyển đổi số phát triển mạnh mẽ trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; trọng tâm là phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; đồng thời bảo đảm thực hiện đầy đủ, thống nhất các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra tại Nghị quyết số 57-NQ/TW; Nghị quyết số 71/NQ-CP và Kế hoạch hành động số 15-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

2.1. Tiếp tục thực hiện phát triển chính quyền số nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động

- 80% trở lên hồ sơ thủ tục hành chính là hồ sơ trực tuyến toàn trình, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần;
- 100% thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh;
- 100% thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, thông suốt, liền mạch;
- 90% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến;
- 50% các dịch vụ công trực tuyến toàn trình thiết yếu được ứng dụng AI;
- Có kế hoạch công bố dữ liệu mở;
- 75% Giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”;
- 80% Hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa;
- 90% Dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện;
- Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến đạt trên 80%;
- Cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa và liên thông với Trung ương đạt trên 60%;
- 70% hệ thống thông tin các cơ quan đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ; 70% hệ thống thông tin quan trọng được triển khai bảo đảm an toàn thông tin theo mô hình 4 lớp; 100% hệ thống thông tin được triển khai giám sát an toàn, an ninh mạng và được kiểm tra, đánh giá thường xuyên.
- Nâng cấp trung tâm dữ liệu dùng chung của tỉnh, phục vụ lưu trữ dữ liệu và triển khai các ứng dụng chuyển đổi số.
- Triển khai Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh liền mạch, thông suốt xuống đến các sở, ban, ngành, địa phương và kết nối liên thông với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ;

- Chỉ số chuyên đổi số cấp tỉnh đạt 0,7.

2.2. Kinh tế số

- Quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 35% GRDP (bao gồm tính cả đóng góp của khối doanh nghiệp FDI)

- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 80%.

- Thúc đẩy kinh tế số trong các lĩnh vực: Thương mại điện tử, nông nghiệp, văn hóa, du lịch; logistics; công nghiệp sản xuất, chế tạo. Phát triển kinh tế số gắn liền tài chính, ngân hàng, tài nguyên, môi trường, xanh, bền vững.

- Hoàn thiện các thủ tục thành lập và đầu tư xây dựng Khu công nghệ thông tin tập trung Yên Bình, tỉnh Thái Nguyên.

- Triển khai đảm bảo hiệu quả, chất lượng Kế hoạch số 148/KHPPH-BKHCN-UBND ngày 02/12/2025 giữa Bộ Khoa học và Công nghệ và UBND tỉnh Thái Nguyên về phối hợp triển khai thí điểm hỗ trợ cửa hàng, hộ kinh doanh bán buôn, bán lẻ chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2.3. Xã hội số

- Mạng 5G với tốc độ tối thiểu 100 Mbps, phủ sóng tại 100% khu dân cư.

- Phổ cập kết nối cáp quang băng rộng tới hộ gia đình, 100% khách hàng có nhu cầu đều có truy cập FTTH tốc độ Gbps.

- Phát triển được các mô hình điểm kết hợp giữa hạ tầng mới và ứng dụng đổi mới sáng tạo.

- Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID) đạt 98%;

- 95% dân số trưởng thành có điện thoại thông minh.

- 100% Tổ công nghệ số cộng đồng tiếp tục được đào tạo nâng cao nhận thức số, kỹ năng số.

- Mở rộng mô hình, phương thức tập huấn để nâng cao kỹ năng số tối thiểu trên 75% học sinh, sinh viên, người lao động và người dân trên địa bàn tỉnh.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả Chợ 4.0 - chợ thanh toán không dùng tiền mặt.

- Thực hiện số hóa các di sản văn hóa, kết hợp bảo tồn, phát huy các giá trị di sản với phát triển du lịch, nâng cao đời sống thu nhập cho người dân.

III. NHIỆM VỤ

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

- Tập trung các hoạt động của Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 (Ban Chỉ đạo), các thành viên Ban Chỉ đạo, cơ quan thường trực để tăng cường công tác lãnh đạo, điều hành thực hiện kế hoạch.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện các chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ chuyển đổi số; Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 02/4/2024 của UBND tỉnh về việc đẩy mạnh các hoạt động kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- Các sở, ban, ngành, địa phương xây dựng chương trình, kế hoạch phải xác định cụ thể nội dung, thời hạn, yêu cầu kết quả; thời gian, số lượng các phiên họp, hội nghị để chỉ đạo, đánh giá kết quả triển khai, giải quyết các vướng mắc cụ thể; xác định cụ thể chủ đề, vấn đề cần tập trung chỉ đạo, tháo gỡ; nội dung, thời gian, đối tượng kiểm tra, giám sát cụ thể, hiệu quả, thực chất.

2. Cơ chế, chính sách số

- Xây dựng các văn bản, kế hoạch thực thi các chương trình, kế hoạch của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số.

- Xây dựng, sửa đổi, ban hành các văn bản pháp luật của ngành, lĩnh vực, địa phương thúc đẩy chuyển đổi số.

- Xây dựng, ban hành các văn bản, chính sách thúc đẩy chuyển đổi số các ngành, lĩnh vực, địa phương như chính sách phát triển, thu hút nhân lực, tuyển dụng, xét nâng lương, nâng ngạch đội ngũ cán bộ làm chuyển đổi số; khuyến khích, thúc đẩy sử dụng dịch vụ công trực tuyến đối với người dân, doanh nghiệp; chính sách hỗ trợ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp khởi nghiệp, mới thành lập,...

- Triển khai, xây dựng, ban hành quy định kỹ thuật về dữ liệu các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu; các quy chế, quy định về khai thác, vận hành các hệ thống, nền tảng, dữ liệu; quy chế, quy định, hướng dẫn, quy chuẩn dữ liệu đối với các HTTT, CSDL (nhất là các CSDL quốc gia, các CSDL ngành) do các bộ, ngành, địa phương quản lý để tạo thuận lợi trong kết nối, chia sẻ dữ liệu..

- Triển khai thực hiện hoàn thành đầy đủ, đúng tiến độ các nội dung, nhiệm vụ được giao tại Đề án phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026-2030.

3. Hạ tầng số

Triển khai xây dựng, phát triển hạ tầng số trên nguyên tắc hạ tầng số phải được ưu tiên đầu tư, hiện đại hóa và đi trước một bước để thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia, phục vụ Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số theo Quyết định số 1132/QĐ-TTg ngày 09/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược hạ tầng số đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 và Quyết định số 912/QĐ-BKHCN ngày 18/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Kế hoạch phát triển hạ tầng số Việt Nam thời kỳ 2025- 2030, bao gồm:

- Xây dựng, rà soát bổ sung, chỉnh sửa, cập nhật Kế hoạch phát triển hạ tầng số đến năm 2030 phù hợp với yêu cầu, tình hình thực tế.

- Hoàn thiện, bảo đảm trong quy hoạch ngành, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh phải sẵn sàng cho phát triển hạ tầng số (ưu tiên không gian, vị trí, tạo điều kiện để phát triển nhà trạm thu phát sóng di động, hạ tầng băng rộng, xây dựng các trung tâm lưu trữ dữ liệu, trạm trung chuyển Internet, ...).

- Tổ chức làm việc, xác định kế hoạch phát triển hạ tầng viễn thông, hạ tầng số của các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh từ đó triển khai các biện pháp hỗ trợ bao gồm: xây dựng, công bố kế hoạch đầu tư, cải tạo nâng cấp hệ thống hạ tầng đô thị của tỉnh, của các ngành kinh tế để các đơn vị phối hợp triển khai đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật các ngành giao thông, năng lượng, chiếu sáng, cấp, thoát nước, hạ tầng công trình ngầm, hạ tầng kỹ thuật khác;

- Thúc đẩy tích hợp các cảm biến IoT vào các cơ sở hạ tầng truyền thống như giao thông vận tải, năng lượng, hậu cần, chính quyền thành phố, y tế và giáo dục, trong quy hoạch và xây dựng cơ sở hạ tầng công cộng;

- Ưu tiên khai thác, sử dụng hiệu quả hạ tầng số dùng chung (Mạng truyền số liệu chuyên dùng, Trung tâm dữ liệu...);

- Triển khai các mạng diện rộng, mạng truyền số liệu chuyên dùng theo quy định;

- Ban hành danh mục ứng dụng, nền tảng trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng; thúc đẩy triển khai các ứng dụng, nền tảng dùng chung trên mạng Truyền số liệu chuyên dùng.

4. Nhân lực số

- Duy trì, tăng cường triển khai công tác bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số nói chung, chính phủ số, kinh tế số, an toàn thông tin cho cán bộ công chức, viên chức, người lao động.

- Triển khai các hoạt động bồi dưỡng, tập huấn chuyên sâu về kiến trúc; dữ liệu, phân tích dữ liệu, trí tuệ nhân tạo; sử dụng dữ liệu hỗ trợ ra quyết định, xây dựng chính sách, công tác chỉ đạo điều hành của lãnh đạo các cấp; về ATTT; đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ chuyên trách chuyển đổi số, cán bộ phụ trách an toàn thông tin,...

- Xây dựng và triển khai chương trình đào tạo, bồi dưỡng, hỗ trợ kỹ thuật chuyên biệt và thường xuyên cho đội ngũ cán bộ cấp xã, phường, tập trung vào kỹ năng vận hành các nền tảng dùng chung và kỹ năng hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ số.

- Thực hiện truyền thông chính sách, phổ biến thông tin về Chính phủ số, các nền tảng số, chính sách dữ liệu, AI, chuyển đổi số đến người dân, doanh nghiệp.

- Xây dựng chương trình và tổ chức phổ cập kỹ năng số cho người dân, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số của cơ quan nhà nước thông qua Nền tảng Bình dân học vụ số, Tổ công nghệ số cộng đồng và các hoạt động xã

hội hóa, ưu tiên triển khai tại nông thôn, vùng sâu vùng xa và với nhóm người cao tuổi.

5. Phát triển dữ liệu số

Xác định đầy đủ các nội dung về nhiệm vụ, giải pháp phát triển dữ liệu số theo Kế hoạch số 78/KH-UBND ngày 26/9/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên triển khai thực hiện Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ về ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và Quyết định số 1891/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt Chiến lược dữ liệu tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030; Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 20/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động chuyển đổi số hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trực tuyến và dựa trên dữ liệu giai đoạn 2024 - 2025, định hướng đến năm 2030; các Văn bản hướng dẫn liên quan của Bộ Công an.

6. An toàn thông tin mạng

Xây dựng kế hoạch triển khai hệ thống thông tin các cơ quan đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ, hệ thống thông tin quan trọng, hệ thống thông tin được triển khai giám sát an toàn, an ninh mạng, được kiểm tra, đánh giá thường xuyên, đạt mục tiêu theo quy định và hướng dẫn của Bộ Công an. Trong đó, chú trọng đảm bảo an toàn thông tin mạng cho các các HTTT, CSDL do tỉnh quản lý, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính phục vụ người dân và doanh nghiệp. Tổ chức đào tạo, tập huấn, diễn tập về an toàn thông tin mạng, triển khai các quy định, kế hoạch về ứng phó sự cố; các hoạt động của đội ứng cứu sự cố, việc tham gia hoạt động của mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng quốc gia. Tổ chức tối thiểu 01 cuộc diễn tập thực chiến bảo đảm an toàn thông tin mạng trong năm 2026.

7. Chính phủ số

7.1. Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến

- Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến đảm bảo các chỉ kế hoạch tiêu đề ra (*tại mục 2.1 Phần II*).

- Thực hiện rà soát, cập nhật hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, nâng cao chất lượng cung cấp DVC trực tuyến.

- Triển khai các giải pháp đề định danh và xác thực người dùng dịch vụ công trực tuyến thông suốt, hợp nhất giữa các nền tảng, hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thông qua định danh điện tử VNeID.

- Tập trung thực hiện tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, bảo đảm cung cấp dịch vụ công trực tuyến thuận lợi, đơn giản hơn thực hiện trực tiếp trên cơ sở số hóa, tái sử dụng dữ liệu, liên thông điện tử.

7.2. Triển khai quản trị số để nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành thông qua sử dụng các nền tảng số, dữ liệu số

- Xác định đầy đủ các nội dung về nhiệm vụ, giải pháp quản trị số để nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành thông qua sử dụng các nền tảng số, dữ liệu số theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 20/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động chuyển đổi số hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trực tuyến và dựa trên dữ liệu giai đoạn 2024 - 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 2618/QĐ-BKHCN ngày 11/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành danh mục và kế hoạch triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng; Văn bản số 1876/BKHCN-CĐSQG ngày 28/5/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn xác định hạ tầng số, phần mềm, ứng dụng dùng chung (cấp trung ương, tỉnh, xã) để tránh đầu tư trùng lặp, chồng chéo, lãng phí; Văn bản số 4577/BKHCN-CĐSQG ngày 11/9/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn triển khai các nền tảng số dùng chung toàn quốc;...

7.3. Triển khai, tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo, trợ lý ảo trong quản lý, điều hành, hỗ trợ hoạt động của CBCS

Triển khai Trợ lý ảo trong cơ quan nhà nước để hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức nâng cao hiệu quả và năng suất lao động theo Công văn số 557/BKHCN-CĐSQG ngày 31/3/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn một số nguyên tắc chung đối với công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan nhà nước sử dụng các mô hình ngôn ngữ lớn (chatbot AI) phục vụ công việc.

7.4. Tiếp tục triển khai Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030” (Đề án 06) trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

8. Kinh tế số và xã hội số

8.1. Triển khai các hoạt động phát triển kinh tế số ngành, lĩnh vực

Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ tại Kế hoạch số 205/KH-UBND ngày 05/12/2023 phát triển kinh tế số và xã hội số trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030; đảm bảo phù hợp với đặc điểm, lợi thế tự nhiên để lựa chọn triển khai các hoạt động kinh tế số trong năm 2026, phù hợp với các định hướng của quốc gia về phát triển kinh tế số và xã hội số.

8.2. Triển khai hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số

Triển khai các nhiệm vụ hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số. Trong đó, hỗ trợ, đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp theo Quyết định 1567/QĐ-BKHCN ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ

ban hành bộ tiêu chí đánh giá mức độ chuyên đổi số doanh nghiệp; hỗ trợ, hướng dẫn doanh nghiệp triển khai các giải pháp công nghệ, ứng dụng nền tảng số để chuyên đổi số, phù hợp theo định hướng của quốc gia.

Xác định các ngành, lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế phát triển kinh tế số để tập trung thúc đẩy, gắn phát triển kinh tế số với triển khai các nền tảng số quốc gia. Thúc đẩy phát triển kinh tế số với trọng tâm là phát triển doanh nghiệp công nghệ số, phát triển nội dung số, công nghiệp sáng tạo, thương mại điện tử và sản xuất thông minh. Khuyến khích phát triển doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trải nghiệm, sử dụng các nền tảng số.

Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao chỉ số cải cách hành chính công, chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp số khởi nghiệp, hình thành cộng đồng doanh nghiệp số; khuyến khích các doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyên đổi số, từng bước thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh.

8.3. Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân về vai trò, lợi ích của chữ ký số công cuộc chuyển đổi số.

- Hướng dẫn, công bố cách thức đăng ký, sử dụng chữ ký số, kiểm tra chữ ký số nhằm thúc đẩy người dân thực hiện các thủ tục hành chính trên môi trường mạng, tiến tới tăng cường trong cả các giao dịch điện tử khác như tài chính, thương mại điện tử.

- Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ trong việc xây dựng phần mềm ký số, phần mềm kiểm tra chữ ký số và tích hợp, kết nối ký số vào Cổng kết nối dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng theo Thông tư số 15/2025/TT-BKHCN ngày 15/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Tăng cường giám sát, kiểm tra các hệ thống thông tin có sử dụng chữ ký số kết nối Cổng kết nối dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng theo quy định tại Thông tư số 15/2025/TT-BKHCN ngày 15/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

9. Nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin

- Các cơ quan báo chí của tỉnh, Trung tâm Thông tin tỉnh các cơ quan, đơn vị tiếp tục duy trì chuyên trang, chuyên mục; sản xuất, phân phối nội dung số, thông tin đa phương tiện trên các nền tảng; triển khai, cụ thể hóa các nội dung tuyên truyền, truyền thông về chuyển đổi số thành các chương trình, kế hoạch, chiến dịch (thường xuyên, định kỳ, theo sự kiện, tuần lễ, ngày chuyển đổi số) với nội dung, hình thức triển khai đa dạng, phong phú, thiết thực, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế (cuộc thi, video, poster, tài liệu tuyên truyền; kênh truyền thông trực tuyến trên các phương tiện, nền tảng số, kênh truyền thông trực tiếp;

lồng ghép với các hoạt động của các ngành, lĩnh vực...) để tuyên truyền, truyền thông các chủ trương, định hướng chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số; chương trình, kế hoạch chuyển đổi số của địa phương; vai trò, lợi ích của chuyển đổi số đối với người dân, doanh nghiệp; sử dụng dịch vụ công trực tuyến; các mô hình, cách làm hay, bài toán, sáng kiến điển hình để phổ biến, nhân rộng; các hoạt động khuyến khích, thúc đẩy thi đua chuyển đổi số; gắn kết CCHC với chuyển đổi số;... để các cơ quan, tổ chức, CBCC, người dân, doanh nghiệp nâng cao nhận thức, tích cực tham gia, đẩy mạnh hoạt động chuyển đổi số thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ cho người dân, doanh nghiệp; tuyên truyền, phòng chống lừa đảo trực tuyến, bảo vệ thông tin cá nhân,...

- Triển khai các hoạt động kiểm tra, đánh giá, bảo đảm an toàn thông tin định kỳ, thường xuyên cho các hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý theo chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Công an.

IV. GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp

Tham gia các diễn đàn, hội nghị, hội thảo, các sự kiện, triển lãm về chính quyền số, kinh tế số và xã hội số; lồng ghép nội dung về kinh tế số, xã hội số trong các sự kiện, triển lãm về phát triển kinh tế - xã hội, giới thiệu về đất nước, con người, văn hóa, du lịch của tỉnh ở trong và ngoài nước.

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn rộng khắp về các nền tảng số quốc gia, các mô hình kinh tế số, xã hội số điển hình trên hệ thống truyền thông. Phát triển các kênh tư vấn, hỏi đáp, trợ lý ảo hỗ trợ người dân nâng cao kỹ năng số, sử dụng nền tảng số, dịch vụ số và công nghệ số.

Tổ chức các chiến dịch truyền thông, các cuộc thi, trò chơi truyền hình xoay quanh chủ đề kinh tế số, xã hội số nhằm tuyên truyền, phổ biến, thu hút sự tham gia rộng rãi của người dân. Tổ chức các cuộc thi tìm kiếm mô hình kinh doanh số, kinh tế số tiêu biểu, các giải pháp dùng công nghệ số để giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội.

2. Đẩy mạnh các mô hình kết hợp giữa nhà nước - nhà trường - doanh nghiệp

Huy động sự tham gia của cộng đồng, cho phép các viện, trường, tổ chức, doanh nghiệp cùng khai thác các hệ thống công nghệ thông tin, các nền tảng và cơ sở dữ liệu phục vụ việc phát triển hệ sinh thái sản phẩm Chính quyền điện tử.

Phối hợp, tạo điều kiện, hỗ trợ doanh nghiệp giới thiệu, cung cấp sản phẩm, dịch vụ số trong mọi lĩnh vực.

3. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

Nghiên cứu, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ vào triển khai chuyển đổi số như điện toán đám mây, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối,...

4. Thu hút nguồn lực công nghệ thông tin

Nâng cao chất lượng đào tạo, tập huấn về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức (đặc biệt là công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin) của các cơ quan, đơn vị.

Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, gắn với cơ chế thu hút, đãi ngộ để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin của các cơ quan, đơn vị.

5. Tăng cường hợp tác

Tổ chức các đoàn công tác thăm quan, học tập, chia sẻ kinh nghiệm trong chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin mạng; tăng cường mối quan hệ hợp tác, quảng bá, tạo thị trường cho các sản phẩm, dịch vụ của các doanh nghiệp số trong tỉnh.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Các đơn vị, địa phương chủ động rà soát các nhiệm vụ chi và sử dụng kinh phí từ nguồn dự toán ngân sách năm 2026 đã được UBND tỉnh giao để thực hiện kế hoạch đảm bảo theo đúng thực tế, hiệu quả, tiết kiệm và đúng quy định.

3. Khuyến khích việc huy động các nguồn kinh phí ngoài ngân sách theo quy định của pháp luật để triển khai thực hiện Kế hoạch.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành của tỉnh; UBND các xã, phường

- Triển khai thực hiện nhiệm vụ tại Kế hoạch bảo đảm đúng theo quy định hiện hành.

- Căn cứ danh mục nhiệm vụ đã đề xuất, đăng ký tại Kế hoạch và quy định của pháp luật hiện hành, xác định những nội dung cần xây dựng đề án, dự án, nhiệm vụ chuyển đổi số và dự toán kinh phí trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đối với các nhiệm vụ, dự án cụ thể đã đăng ký yêu cầu cơ quan, đơn vị làm rõ cơ sở pháp lý, phạm vi, quy mô, sự cần thiết trên nguyên tắc 6 rõ (*rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền và rõ kết quả*) trước khi triển khai nhiệm vụ.

- Định kỳ hàng quý, 6 tháng, cuối năm hoặc đột xuất báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch theo quy định.

- Căn cứ nhiệm vụ, kế hoạch cấp tỉnh, xây dựng kế hoạch của cơ quan, đơn vị, địa phương mình đồng bộ với chỉ tiêu, nhiệm vụ của ngành dọc và chỉ tiêu chung của tỉnh; chủ động sử dụng các nguồn kinh phí theo phân cấp ngân sách để triển khai thực hiện.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

- Là cơ quan thường trực triển khai thực hiện Kế hoạch. Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị rà soát, tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ đảm bảo nội dung, tiến độ, hiệu quả.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu, báo cáo UBND tỉnh rà soát, đánh giá, tổ chức triển khai nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị đã đề xuất tại Phụ lục II kèm theo Kế hoạch đảm bảo phù hợp, hiệu quả, đúng quy định hiện hành; nội dung tham mưu phải đánh giá chính xác được hiện trạng, sự cần thiết, hiệu quả đầu tư, giải pháp kỹ thuật, công nghệ đáp ứng được nhu cầu, phù hợp với quy mô, tính chất của nhiệm vụ.

- Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số và chế độ thông tin báo cáo theo quy định.

- Đơn đốc, kiểm tra, tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

3. Sở Tài chính

- Trên cơ sở đề xuất kinh phí triển khai thực hiện nội dung Kế hoạch của Sở Khoa học và Công nghệ, các đơn vị và địa phương, căn cứ khả năng cân đối ngân sách, Sở Tài chính phối hợp với các đơn vị có liên quan tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định bố trí kinh phí theo phân cấp ngân sách hiện hành và đảm bảo phù hợp theo quy định của Pháp luật.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan đẩy mạnh thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ nước ngoài và các đối tác quốc tế cho hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ đảm bảo phù hợp theo quy định của Pháp luật.

- Chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan xây dựng, lồng ghép tiêu chí đánh giá về chuyển đổi số vào các bộ chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành, địa phương.

5. Các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, chủ động tham mưu, xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện đảm bảo tiến độ, chất lượng theo yêu cầu.

- Doanh nghiệp bưu chính: Chủ trì, phối hợp các sở, ngành và đơn vị liên quan đẩy mạnh triển khai thúc đẩy, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm nông sản lên sàn thương mại điện tử theo quy định, đặc biệt là các sản phẩm OCOP.

VII. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN (Có chi tiết Danh sách nhiệm vụ chuyển đổi số các sở, ban, ngành, đơn vị đăng ký tại Phụ lục II kèm theo).

Trên đây là Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên năm 2026. Yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường chỉ đạo triển khai thực hiện đảm bảo phù hợp, hiệu quả. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc vấn đề phát sinh, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Khoa học và Công nghệ) để xem xét, chỉ đạo giải quyết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Báo và phát thanh, truyền hình Thái Nguyên;
- UBND các xã, phường;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, TH, KGVX.

Thaidh/KH36

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Loan

Phụ lục I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU

(kèm theo Kế hoạch số /KH-SKHCN ngày /12/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Mục tiêu	Kết quả hiện tại	Mô tả kết quả hiện tại
I	Phát triển hạ tầng				
1	Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn tỉnh	%	≥ 62	68	ĐẠT (Hiện nay có 586 trạm phát sóng 5G, tỷ lệ phủ sóng đạt 68%)
2	Có Trung tâm an ninh mạng cấp tỉnh (hoặc thuê dịch vụ giám sát an toàn thông tin), giám sát, ứng cứu sự cố cho toàn hệ thống		Trung tâm an ninh mạng cấp tỉnh	Có	Tỉnh Thái Nguyên đã xây dựng nền tảng Trung tâm giám sát điều hành an toàn thông tin mạng (SOC). Hiện, Công an tỉnh đã có văn bản đề xuất xây dựng: Trung tâm an ninh mạng (hoặc thuê dịch vụ giám sát an toàn thông tin), giám sát ứng cứu sự cố các cho hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.
3	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gbps/s	%	95	95	ĐẠT
II	Phát triển nguồn lực				
4	Tổng chi ngân sách cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo	%	$\geq 1,0$	0,22%.	(Tổng chi ngân sách chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo: năm 2024 đạt 0,20%; năm 2025 đạt 0,22%).
5	Tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	% GRDP	2	0,8	Năm 2025, sau khi sáp nhập tỉnh, kinh phí hiện đang bố trí cho Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đạt 233,12 tỷ đồng, tỷ lệ 0,8% tổng chi Ngân sách tỉnh Thái Nguyên (mới). Tỉnh phân đầu hết năm 2025, kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D) \geq

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Mục tiêu	Kết quả hiện tại	Mô tả kết quả hiện tại
					1,0% GRDP, trong đó kinh phí từ xã hội chiếm trên 60%.
6	Cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản	%	100	100%	ĐẠT Đã tổ chức đa dạng các hoạt động tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số: Trực tuyến thông qua nền tảng số, chương trình “Bình dân học AI”, phong trào “Bình dân học vụ số”.
7	Cán bộ, công chức cấp tỉnh được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản	%	100	100%	ĐẠT Đã tổ chức đa dạng các hoạt động tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số: Trực tuyến thông qua nền tảng số, chương trình “Bình dân học AI”, phong trào “Bình dân học vụ số”.
8	Cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành	%	100	100%	ĐẠT 100% cán bộ công chức được tập huấn, hướng dẫn dựng các hệ thống dùng chung của tỉnh, các ứng dụng chuyên ngành phục vụ công việc chuyên môn: Hệ thống quản văn bản và điều hành, thư điện tử, hệ thống thông tin giải quyết TTHC, ...
9	Dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông	%	80	80	ĐẠT
10	Ứng dụng AI, IoT, Big Data,... trong quản lý môi trường, đô thị thông minh; nâng cao chất lượng sống người dân	Báo cáo			Tỉnh đã triển khai ứng dụng AI trong một số ngành, lĩnh vực: quản lý giao thông (<i>camera giao thông thông minh</i>); ứng dụng AI trong giải quyết thủ tục hành chính; ứng dụng AI trong hệ thống báo cáo

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Mục tiêu	Kết quả hiện tại	Mô tả kết quả hiện tại
					tình hình kinh tế xã hội; triển khai IoT tại một số khu công nghiệp tỉnh...
III	Phát triển Chuyển đổi số				
11	Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh		$\geq 0,60$	0,68	ĐẠT Năm 2024, tỉnh Thái Nguyên (sau sáp nhập), đạt 0,68 điểm, xếp thứ 8/34 tỉnh, thành phố.
12	Tỷ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền	%	≥ 70	89,32	ĐẠT
13	Thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến	%	100	100	ĐẠT
14	Giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”.	%	≥ 70	70	ĐẠT
15	Hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa	%	≥ 70	95	ĐẠT
16	Dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện	%	≥ 80	100	ĐẠT
17	Hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến	%	≥ 70	100	
18	Hệ thống thông tin của tỉnh được vận hành trên nền tảng điện toán đám mây	%	≥ 50	>50	ĐẠT Các hệ thống thông tin dùng chung dùng chung của tỉnh đã triển khai trên nền tảng điện toán đám mây (UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch thuê dịch vụ lưu trữ dữ liệu trên nền tảng điện toán đám mây phục vụ chuyển đổi số, trong đó sẽ tiếp tục lộ trình triển khai việc triển khai các hệ thống thông tin còn lại vận hành trên nền tảng điện toán đám mây trong năm 2026 và các năm tiếp theo).

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Mục tiêu	Kết quả hiện tại	Mô tả kết quả hiện tại
19	Cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa và liên thông với Trung ương	%	≥ 55	55	ĐẠT
20	Dữ liệu của các ban, sở, ngành được tích hợp trên nền tảng chia sẻ LGSP	%	100	100	ĐẠT
21	Doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số	%	100	100	ĐẠT
22	Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VneID)	%	≥ 97	97,08	ĐẠT (hiện có 1.131262 / 1.165.219 = 97,08%)
23	Đảng ủy, chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất	%	100	100	ĐẠT Hệ thống quản lý văn bản điều hành, thư điện tử, hội nghị truyền hình trực tuyến,
24	Đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử	Báo cáo			ĐẠT
25	Quy mô kinh tế số	% GRDP	≥ 35		ĐẠT Năm 2024: tỉnh Thái Nguyên (cũ) đạt 35,5% đứng thứ 3/61 tỉnh, thành; tỉnh Bắc Kạn (cũ) đạt 7,31%, đứng thứ 32/63 tỉnh, thành phố.

Phụ lục II

DANH SÁCH NHIỆM VỤ CHUYÊN ĐỔI SỐ CÁC SỞ, BAN, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG ĐĂNG KÝ NĂM 2026

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /12/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

TT	TÊN NHIỆM VỤ	CHỦ TRÌ	PHỐI HỢP
1.	Xây dựng phần mềm Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của HĐND tỉnh	Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan
2.	Số hóa, chỉnh lý tài liệu lưu trữ của cơ quan	Thanh tra tỉnh Thái Nguyên	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan
3.	Nâng cấp hệ thống mạng nội bộ LAN		
4.	Bảo trì, bảo dưỡng, rà soát đánh giá an toàn thông tin thường xuyên cho hạ tầng công nghệ thông tin (CNTT) của cơ quan; mua sắm máy móc, trang thiết bị CNTT đảm bảo an toàn, an ninh thông tin theo quy định, phục vụ công tác chuyên môn; mua sắm các phần mềm bản quyền phục vụ công tác chuyên môn		
5.	Mua sắm gói duy trì vận hành Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh	Sở KH&CN	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan
6.	Nâng cấp nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh Thái Nguyên (LGSP)		
7.	Mua sắm bản quyền phần mềm Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh		
8.	Nhiệm vụ nâng cấp hệ thống quản lý, đánh giá chỉ số chuyển đổi số của tỉnh		
9.	Nhiệm vụ duy trì thuê dịch vụ các hệ thống dùng chung (cổng/trang thông tin điện tử; hội nghị truyền hình trực tuyến...)		
10.	Thuê dịch vụ công nghệ thông tin hệ thống báo cáo		
11.	Nhiệm vụ triển khai hệ thống CSDL chuyên ngành KH&CN		
12.	Dự án Chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên		

TT	TÊN NHIỆM VỤ	CHỦ TRÌ	PHỐI HỢP
13.	Cập nhật Khung Kiến trúc số tỉnh Thái Nguyên		
14.	Triển khai cập nhật kiến thức, nâng cao năng lực số cho cán bộ, công chức, viên chức các đơn vị, địa phương		
15.	Triển khai tập huấn, cập nhật và nâng cao kỹ năng số cho Tổ Công nghệ số cộng đồng		
16.	Xây dựng trung tâm dữ liệu, quản lý, giám sát, xử lý vi phạm và điều hành giao thông tỉnh Thái Nguyên (Trung tâm cấp 2)	Công an tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan
17.	Trung tâm an ninh mạng (<i>hoặc thuê dịch vụ giám sát an toàn thông tin</i>), giám sát ứng cứu sự cố các cho hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên		
18.	Phần mềm Ứng cứu các sự cố khẩn cấp tỉnh Thái Nguyên (<i>trên máy tính và trên thiết bị di động</i>)		
19.	Phần mềm hỗ trợ thu thập và cung cấp thông tin tự động trên mạng xã hội		
20.	Phần mềm theo dõi, thông báo tình hình giao thông trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (<i>cài đặt trên thiết bị di động</i>)		
21.	Nâng cấp hệ thống cơ sở dữ liệu ngành Công Thương	Sở Công Thương	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan
22.	Xây dựng hệ thống tra cứu thủ tục hành chính tích hợp AI		
23.	Số hóa tài liệu lưu trữ ngành Công Thương		
24.	Xây dựng hệ thống CSDL tôn giáo và tín ngưỡng	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan
25.	Nâng cấp phần mềm nội bộ hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc		
26.	Cơ sở dữ liệu chuyên ngành lĩnh vực xây dựng và giao thông	Sở Xây dựng	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan
27.	Nghiên cứu triển khai bản sao kỹ thuật số (digital twin); Ứng dụng GIS, Bim.. trong lĩnh vực quy hoạch, xây dựng đô thị; lĩnh vực giao thông.		

TT	TÊN NHIỆM VỤ	CHỦ TRÌ	PHỐI HỢP
28.	Xây dựng nền tảng quản trị điều hành tập trung ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch trên môi trường số	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan
29.	Thực hiện các bước chuẩn bị đầu tư theo quy định đối với nhiệm vụ “Số hóa 100% di sản trên địa bàn tỉnh (Đối với các di sản thuộc thẩm quyền của Trung ương, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch sẽ có văn bản báo cáo xin chỉ đạo trước khi thực hiện)”		
30.	Thực hiện các bước chuẩn bị đầu tư theo quy định đối với nhiệm vụ “Thực hiện sản xuất tác phẩm nghệ thuật/điện ảnh kỹ thuật số gắn với di sản văn hóa, lịch sử và thiên nhiên của tỉnh (dự kiến 05 tác phẩm)”		
31.	Số hoá các khu, điểm du lịch, triển khai nền tảng du lịch thông minh trên địa bàn tỉnh		
32.	Ứng dụng công nghệ 3D, thực tế ảo (VR), thực tế tăng cường (AR) phát triển, thi đấu TDTT; Xây dựng cơ sở dữ liệu số thiết chế thể dục thể thao công lập trên địa bàn tỉnh		
33.	Chỉnh lý và số hóa tài liệu lưu trữ phục vụ khai thác, chia sẻ sau hợp nhất, sáp nhập		
34.	Hiện đại hóa công tác quảng bá du lịch Thái Nguyên và truyền thông các sự kiện lớn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch trên các nền tảng số		
35.	Thực hiện chuyển đổi số công tác quản lý thông tin, báo chí, xuất bản, thông tin nguồn		
36.	Cơ sở dữ liệu tổng hợp về tài chính tỉnh thái Nguyên	Sở Tài chính	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan
37.	Nâng cấp, mở rộng phần mềm cơ sở dữ liệu (CSDL) về giá		
38.	Ứng dụng trợ lý ảo AI trong quản lý, điều hành và giám sát văn bản đến và đi của Sở Tài chính		
39.	Bảo trì, bảo dưỡng, rà soát đánh giá an toàn thông tin thường xuyên cho hạ tầng CNTT của Sở; mua sắm máy móc, trang thiết bị CNTT đảm bảo an toàn, an ninh thông tin theo quy định, phục vụ công tác chuyên môn; mua sắm các phần mềm bản quyền phục vụ công tác		

TT	TÊN NHIỆM VỤ	CHỦ TRÌ	PHỐI HỢP
	chuyên môn; số hóa, chỉnh lý tài liệu lưu trữ của cơ quan		
40.	Thuê các dịch vụ CNTT phục vụ công tác chuyên môn: Kênh truyền Tabmis; internet; quản lý văn bản và điều hành; dịch vụ vận hành phần mềm; dịch vụ máy chủ; dịch vụ đánh giá an toàn thông tin		
41.	Trang bị cơ sở vật chất và thiết bị phục vụ giáo dục STEM	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan
42.	Triển khai “Trường học số”		
43.	Triển khai nền tảng dạy học trực tuyến tại các trường phổ thông trong toàn tỉnh		
44.	Dự án chuyển đổi số toàn diện Báo và phát thanh, truyền hình Thái Nguyên	Báo và phát thanh, truyền hình Thái Nguyên	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan
45.	Nghiên cứu ứng dụng AI agent automatiom xây dựng hệ thống kiểm tra, kiểm soát chất lượng, duyệt nội dung báo chí trước khi phát sóng, xuất bản và phân phối		
46.	Nhiệm vụ: Xây dựng, biên tập, tuyển chọn sản phẩm báo chí chất lượng cao về tỉnh Thái Nguyên, chuyển đổi thành siêu dữ liệu và tài sản số		
47.	Duy trì, vận hành và quản trị các hệ thống thông tin Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên năm 2026	Sở Tư pháp	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan
48.	Nâng cấp phần mềm, CSDL hiện có: Hệ thống đấu giá công trực tuyến, Cổng Thông tin điện tử phổ biến giáo dục pháp luật (GDPL) tỉnh; Trang thông tin hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp...		
49.	Phủ sóng 5G tại các khu công nghiệp	Ban quản lý các Khu công nghiệp Thái Nguyên	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan
50.	Cập nhật Cơ sở dữ liệu thông tin doanh nghiệp trên Hệ thống Bản đồ số 3D Khu công nghiệp (KCN) Sông Công II và phần mềm quản lý hạ tầng các KCN tỉnh Thái Nguyên		
51.	Cập nhật, duy trì dữ liệu về quy hoạch, hạ tầng, môi trường, tiến độ dự án, diện tích đất thuê và hạ tầng kỹ thuật của từng KCN trên Hệ thống Bản đồ số 3D KCN Sông		

TT	TÊN NHIỆM VỤ	CHỦ TRÌ	PHỐI HỢP
	Công II và phần mềm quản lý hạ tầng các KCN tỉnh Thái Nguyên		
52.	Cập nhật thông tin các dự án đầu tư trên hệ thống cơ sở dữ liệu số, đảm bảo đầy đủ thông tin về chủ đầu tư, quy mô, tiến độ, diện tích, nghĩa vụ tài chính trên Hệ thống Bản đồ số 3D KCN Sông Công II và phần mềm quản lý hạ tầng các KCN tỉnh Thái Nguyên		
53.	Hoàn thiện, bổ sung thành phần thiết bị, phần mềm trên Hệ thống Bản sao số điển hình		
54.	Phát triển bệnh viện số - y tế thông minh tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2026-2030	Sở Y tế	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan
55.	Mua sắm thiết bị đảm bảo hạ tầng công nghệ thông tin để duy trì, vận hành hồ sơ bệnh án điện tử tại Bệnh viện đa khoa Bắc Kạn	Bệnh viện đa khoa Bắc Kạn	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan
56.	Mua sắm thiết bị đảm bảo hạ tầng công nghệ thông tin để duy trì, vận hành hồ sơ bệnh án điện tử tại Trung tâm Y tế Chợ Mới	Trung tâm y tế Chợ Mới	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan
57.	Nâng cấp hạ tầng Công nghệ thông tin tại Trung tâm Y tế Chợ Đồn	Trung tâm Y tế Chợ Đồn	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan
58.	Mua sắm thiết bị đảm bảo hạ tầng công nghệ thông tin để duy trì, vận hành hồ sơ bệnh án điện tử tại Trung tâm Y tế Na Rì	Trung tâm Y tế Na Rì	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan
59.	Mua sắm thiết bị đảm bảo hạ tầng công nghệ thông tin để duy trì, vận hành hồ sơ bệnh án điện tử tại tại Trung tâm Y tế Ngân Sơn	Trung tâm Y tế Ngân Sơn	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan
60.	Mua sắm thiết bị đảm bảo hạ tầng công nghệ thông tin để duy trì, vận hành hồ sơ bệnh án điện tử tại tại Trung tâm Y tế Pác Nặm	Trung tâm Y tế Pác Nặm	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan
61.	Mua sắm thiết bị đảm bảo hạ tầng công nghệ thông tin để duy trì, vận hành hồ sơ bệnh án điện tử tại Trung tâm Y tế Ba Bể	Trung tâm Y tế Ba Bể	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan
62.	Mua sắm thiết bị đảm bảo hạ tầng công nghệ thông tin để duy trì, vận hành hồ sơ	Trung tâm Y tế	Các cơ quan, đơn vị, địa

TT	TÊN NHIỆM VỤ	CHỦ TRÌ	PHỐI HỢP
	bệnh án điện tử tại Trung tâm Y tế Bắc Kạn	Bắc Kạn	phương có liên quan
63.	Mua sắm thiết bị đảm bảo hạ tầng công nghệ thông tin để duy trì, vận hành hồ sơ bệnh án điện tử Trung tâm Y tế Bạch Thông	Trung tâm Y tế Bạch Thông	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan
64.	Mua sắm thiết bị đảm bảo hạ tầng công nghệ thông tin để duy trì, vận hành hồ sơ bệnh án điện tử tại Trung tâm Y tế Thái Nguyên	Trung tâm Y tế Thái Nguyên	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan
65.	Mua sắm thiết bị đảm bảo hạ tầng công nghệ thông tin để duy trì, vận hành hồ sơ bệnh án điện tử Trung tâm Y tế Phổ Yên	Trung tâm Y tế Phổ Yên	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan
66.	Mua sắm thiết bị đảm bảo hạ tầng công nghệ thông tin để duy trì, vận hành hồ sơ bệnh án điện tử Trung tâm Y tế Võ Nhai	Trung tâm Y tế Võ Nhai	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan
67.	Mua sắm thiết bị công nghệ thông tin để duy trì, vận hành hồ sơ bệnh án điện tử và triển khai bệnh viện số năm 2026	Bệnh viện A	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan
68.	Mua sắm thiết bị đảm bảo hạ tầng công nghệ thông tin để duy trì, vận hành hồ sơ bệnh án điện tử tại Bệnh viện C	Bệnh viện C	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan
69.	Mua sắm thiết bị đảm bảo hạ tầng công nghệ thông tin để duy trì, vận hành hồ sơ bệnh án điện tử tại Bệnh viện Gang Thép	Bệnh viện Gang Thép Thái Nguyên	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan
70.	Mua sắm thiết bị đảm bảo hạ tầng công nghệ thông tin để duy trì, vận hành hồ sơ bệnh án điện tử tại Bệnh viện Phổi	Bệnh viện Phổi	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan
71.	Mua sắm thiết bị đảm bảo hạ tầng công nghệ thông tin để duy trì, vận hành hồ sơ bệnh án điện tử tại Bệnh viện đa khoa Định Hóa	Bệnh viện đa khoa Định Hóa	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan
72.	Mua sắm thiết bị đảm bảo hạ tầng công nghệ thông tin để duy trì, vận hành hồ sơ bệnh án điện tử tại Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan

TT	TÊN NHIỆM VỤ	CHỦ TRÌ	PHỐI HỢP
73.	Mua sắm thiết bị đảm bảo hạ tầng công nghệ thông tin để duy trì, vận hành hồ sơ bệnh án điện tử tại Trung tâm Y tế Phú Lương	Trung tâm y tế Phú Lương	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan
74.	Triển khai Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Xây dựng	Sở Xây dựng	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan
75.	Triển khai Hệ thống thông tin, CSDL quốc gia hoạt động xây dựng		
76.	Giám sát quy trình đăng kiểm trong hoạt động kiểm định		
77.	Kinh phí triển khai ứng dụng Bim (Building Information Modeling) (<i>chi phí bản quyền, thiết bị, đào tạo tập huấn...</i>)		
78.	Kinh phí triển khai ứng dụng Gis (Geographic Information System) (<i>chi phí bản quyền, thiết bị, đào tạo tập huấn...</i>)		
79.	Chỉnh lý, số hóa tài liệu (trên dưới 100m giá)	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan
80.	Số hoá tài liệu lưu trữ lịch sử tỉnh Thái Nguyên		
81.	Chi phí phục vụ hoạt động trang thông tin điện tử của Sở, trang thông tin về cải cách hành chính		
82.	Nâng cấp hệ thống phần mềm, cơ sở dữ liệu nguồn nhân lực tỉnh Thái Nguyên và duy trì hệ thống		
83.	Nâng cấp hệ thống phần mềm quản lý an toàn vệ sinh lao động tỉnh Thái Nguyên và duy trì hệ thống		
84.	Số hóa tài liệu lưu trữ		
85.	Nâng cấp, mở rộng phần mềm trang thông tin điện tử Trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh thành Công thông tin tích hợp, tra cứu, tìm kiếm tài liệu điện tử với kho lưu trữ số		
86.	Cập nhật dữ liệu, thuê, duy trì phần mềm cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC)		

TT	TÊN NHIỆM VỤ	CHỦ TRÌ	PHỐI HỢP
	tỉnh Thái Nguyên đồng bộ trên cơ sở dữ liệu quốc gia		
87.	Nâng cấp phần mềm Số hóa và Quản lý lưu trữ tài liệu người có công; thuê hạ tầng công nghệ thông tin lưu trữ, vận hành; chia sẻ thông tin cơ sở dữ liệu hồ sơ người có công cho UBND cấp xã khai thác, sử dụng.		
88.	Mua sắm tài sản trang, thiết bị phục vụ Chuyển đổi số của Cơ quan Văn phòng Sở		
89.	Mua sắm tài sản trang, thiết bị phục vụ Chuyển đổi số của Ban thi đua khen thưởng		
90.	Xây dựng Cơ sở dữ liệu GIS phục vụ công tác quản lý, điều hành, giám sát hoạt động tại các khu rừng thuộc Ban quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ tỉnh		
91.	Gia hạn sử dụng phần mềm tường lửa và sửa thiết bị lưu điện UPS		
92.	Duy trì, vận hành và quản trị các hệ thống thông tin Sở Nông nghiệp và Môi trường, năm 2026.		
93.	Số hóa, nâng cấp, mở rộng, cập nhật Hệ thống lưu trữ điện tử cơ quan Sở Nông nghiệp và môi trường phục vụ quản lý, khai thác sử dụng và chia sẻ thông tin, dữ liệu		
94.	Nâng cấp, hoàn thiện, cập nhật, bổ sung các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Thái Nguyên	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan
95.	Xây dựng Hệ thống tích hợp, kết nối và chia sẻ dữ liệu dùng chung ngành nông nghiệp và môi trường (NN&MT) đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị thông minh.		
96.	Xây dựng, vận hành hệ thống cung cấp dịch vụ dữ liệu không gian phục vụ khai thác và sử dụng trên môi trường mạng.		
97.	Bổ sung trang thiết bị hạ tầng CNTT nhằm bảo đảm điều kiện tiếp nhận, vận hành các hệ thống thông tin của ngành Nông nghiệp và Môi trường sau khi hợp nhất sở và sau khi sắp xếp chính quyền địa phương 02 cấp		

TT	TÊN NHIỆM VỤ	CHỦ TRÌ	PHỐI HỢP
98.	Nâng cấp phần mềm phục vụ quản lý hạ tầng nước sạch trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên để đồng bộ cơ sở dữ liệu sau sáp nhập tỉnh		
99.	Xây dựng phần mềm thu thập cảnh báo và phân tích dữ liệu của các công trình cấp nước nước sạch nông thôn tập trung		
100.	Số hóa quy trình chọn giống, trồng, chăm sóc cây chủ lực lâm nghiệp tỉnh Thái Nguyên		
101.	Tiếp tục triển khai ứng dụng Hệ thống phần mềm “Quản lý chất lượng nông sản - Thái Nguyên”		
102.	Tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức về ứng dụng công nghệ số, kỹ năng số		
103.	Triển khai hệ thống phòng họp không giấy thông minh cấp xã		
104.	Ứng dụng công nghệ, AI, IoT trong nông nghiệp (thí điểm 3 mô hình, sau đó nhân rộng): tưới tiêu thông minh, quản lý nguồn nước, phòng trừ sâu bệnh, quản lý dinh dưỡng trong đất. Gắn với sản phẩm ở xã nào thì xã sẽ lựa chọn phạm vi và đề xuất	UBND cấp xã	Các cơ quan, đơn vị liên quan
105.	Xây dựng chuỗi cung ứng thông minh cho các sản phẩm OCOP (tối ưu hóa chi phí, chất lượng, truy xuất nguồn gốc)		
106.	Đầu tư, nâng cấp hệ thống trang thiết bị cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã		